

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI
Số: 104/2023/SCI-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oOo-----

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.**

Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Mã chứng khoán: S99

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : 024. 3768 4495

Fax : 024. 3768 4490

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Dương Mạnh - KTT

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : 024. 3768 4495

Fax : 024. 3768 4490

Loại thông in công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 28/08/2023 tại đường dẫn:

<https://scigroup.vn/quan-he-co-dong#thong-tin-cong-bo>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

-Nhu trên

-HDQT (b/c)

-VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Phan Dương Mạnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	06
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	07
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 29

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được Soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập:

Công ty Cổ phần SCI, (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101405355, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ hai mươi ngày 13 tháng 7 năm 2023.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng.

Tên tiếng anh: SCI JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: SCI

Mã chứng khoán: S99 (HNX)

Trụ sở chính: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên	
Ông Đoàn Thế Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Anh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2023)
Ông Ngô Vũ An	Thành viên	
Ông Kim Mạnh Hà	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 21/04/2023)
Ông Hoàng Trọng Minh	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 21/04/2023)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Phúc	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Độ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ An Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Dương Mạnh	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính là Ông Nguyễn Văn Phúc và Ông Nguyễn Công Hùng

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC được chỉ định là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023. Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Công Hùng
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: A0523037-SXR/MOOREAISHN-TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi. Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần SCI**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần SCI được lập ngày 28 tháng 8 năm 2023, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SCI chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Nguyễn Thị Phượng****Phó Giám đốc****Số Giấy CNDKHNKT: 4945-2019-005-1****Thay mặt và đại diện****Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC****Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		436.886.177.317	607.882.246.255
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	60.370.499.854	88.107.664.327
1. Tiền	111		50.370.499.854	88.107.664.327
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	39.847.178.300	17.872.363.750
1. Chứng khoán kinh doanh	121		41.264.194.819	18.783.343.469
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.417.016.519)	(910.979.719)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		335.630.718.667	500.885.905.645
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	371.902.094.255	533.511.118.561
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.159.228.477	7.905.325.180
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	31.478.886.145	29.618.437.772
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(72.909.490.210)	(70.148.975.868)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.037.780.496	1.016.312.533
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	121.567.669	87.336.919
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		865.603.218	874.552.326
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	50.609.609	54.423.288
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.126.176.812.947	1.127.173.635.070
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		220.000.000	220.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	220.000.000	220.000.000
II. Tài sản cố định	220		448.021.725	1.141.237.452
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	419.896.796	1.106.862.521
- Nguyên giá	222		28.548.008.419	29.817.628.233
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.128.111.623)	(28.710.765.712)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	28.124.929	34.374.931
- Nguyên giá	228		342.500.000	342.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(314.375.071)	(308.125.069)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	4.616.784.512	4.616.784.512
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.616.784.512	4.616.784.512
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	1.120.036.043.067	1.120.073.860.093
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.018.932.436.814	1.018.932.436.814
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		71.600.000.000	71.600.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.550.000.000	30.550.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.046.393.747)	(1.008.576.721)
V. Tài sản dài hạn khác	260		855.963.643	1.121.753.013
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	855.963.643	1.121.753.013
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.563.062.990.264	1.735.055.881.325

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		461.556.567.616	685.750.468.450
I. Nợ ngắn hạn	310		435.218.922.383	620.693.653.450
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	214.683.714.056	465.039.586.128
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	208.500.922.192	137.970.708.804
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.251.294.377	643.548.991
4. Phải trả người lao động	314		281.621.684	949.607.020
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	-	5.038.442.973
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	2.478.532.934	5.028.922.394
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.022.837.140	6.022.837.140
II. Nợ dài hạn	330		26.337.645.233	65.056.815.000
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14	2.280.830.233	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	56.815.000	56.815.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	24.000.000.000	65.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.101.506.422.648	1.049.305.412.875
II. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	1.101.506.422.648	1.049.305.412.875
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		854.540.000.000	854.540.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		854.540.000.000	854.540.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		821.066.000	821.066.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.192.087.059	8.192.087.059
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		237.953.269.589	185.752.259.816
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		185.752.259.816	130.092.070.880
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		52.201.009.773	55.660.188.936
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.563.062.990.264	1.735.055.881.325

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Nhung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phan Dương Mạnh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Công Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	418.868.766.539	524.067.734.126
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		418.868.766.539	524.067.734.126
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	398.571.917.358	508.666.038.660
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		20.296.849.181	15.401.695.466
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	56.248.001.905	53.054.915.636
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.089.029.674	(3.321.958.962)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.206.821.917	998.876.713
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	8.011.045.810	15.793.965.532
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		55.444.775.602	55.984.604.532
11. Thu nhập khác	31	VI.6	16.352.398.549	35.983.313.237
12. Chi phí khác	32	VI.7	16.378.779.394	35.984.512.002
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(26.380.845)	(1.198.765)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		55.418.394.757	55.983.405.767
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	3.217.384.984	11.224.193.633
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		52.201.009.773	44.759.212.134

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Nhung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phan Dương Mạnh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Công Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		55.418.394.757	55.983.405.767
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		693.215.727	704.545.669
- Các khoản dự phòng	03		3.304.368.168	44.028.635
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		499.836.614	(1.944.639.054)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(39.708.516.885)	(40.375.937.730)
- Chi phí lãi vay	06		1.206.821.917	998.876.713
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.414.120.298	15.410.280.000
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		162.330.848.046	(104.645.739.089)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(186.018.779.637)	65.588.581.060
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		231.558.620	52.726.137
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		(22.480.851.350)	8.012.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.458.101.272)	(236.219.178)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(609.639.598)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(26.590.844.893)	(15.818.371.070)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		130.909.091	130.000.000
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(62.506.062.196)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	39.951.802.896
4. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		39.577.607.794	287.771.198
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		39.708.516.885	(22.136.488.102)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	238.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(41.000.000.000)	(244.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(41.000.000.000)	(6.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		(27.882.328.008)	(43.954.859.172)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		88.107.664.327	60.962.707.021
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		145.163.535	(2.025.982.579)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	60.370.499.854	14.981.865.270

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Thị Nhung



Phan Dương Mạnh



Nguyễn Công Hùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập:**

Công ty Cổ phần SCI, (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101405355, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ hai mươi ngày 13 tháng 7 năm 2023.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực.

Tên tiếng anh: SCI JOINT STOCK COMPANY**Tên viết tắt:** SCI**Mã chứng khoán:** S99 (HNX)

Trụ sở chính: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 6 năm 2023: 20 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 28 nhân viên)**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc là: Xí nghiệp 1 - Công ty Cổ phần SCI, trụ sở chính tại tỉnh Lai Châu, hoạt động kinh doanh chính là xây lắp.

Xí nghiệp 1 - Công ty Cổ phần SCI đã chấm dứt hoạt động từ ngày 25/05/2023 theo Quyết định số 09/2023/QĐ-SCI-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần SCI.

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số V.2

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC được Bộ Tài Chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình xây lắp. Giá trị sản phẩm dở cuối kỳ đang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích.

Bảng sáng chế và thương hiệu

Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập BCTC.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm: Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

1. Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

2. Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp)

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

18. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2023	01/01/2023
Tiền	50.370.499.854	88.107.664.327
Tiền mặt	83.335.829	148.664.632
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	50.287.164.025	87.958.999.695
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	10.000.000.000	-
Cộng	60.370.499.854	88.107.664.327

(*) Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây có kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 3,1%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
Tổng giá trị cổ phiếu	41.264.194.819	40.793.178.600	(1.417.016.519)	18.783.343.469
SDA	564.800	501.600	(63.200)	564.300
NVL	21.685.391.500	20.790.000.000	(895.391.500)	-
GEX	-	-	-	15.279.709.200
VIX	829.357.700	1.775.358.000	-	2.868.608.900
CYC	343.331.194	123.110.000	(220.221.194)	343.331.194
HIB	18.114.420.250	18.062.500.000	(51.920.250)	-
Cổ phiếu khác	291.129.375	41.709.000	(249.420.375)	291.129.875
Cộng	41.264.194.819	40.793.178.600	(1.417.016.519)	18.783.343.469

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc
Đầu tư vào công ty con	1.018.932.436.814	-	-	1.018.932.436.814
Công ty Cổ phần SCIE&C	124.841.371.099	-	-	124.841.371.099
Công ty Cổ phần SCI Nghệ An	298.641.065.715	-	-	298.641.065.715
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	6.500.000.000	-	-	6.500.000.000
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	588.950.000.000	-	-	588.950.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	71.600.000.000	(1.046.393.747)	(1.008.576.721)	71.600.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8	71.600.000.000	(1.046.393.747)	(1.008.576.721)	71.600.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác	30.550.000.000	-	-	30.550.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	550.000.000	-	-	550.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Fecon	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Cộng	1.121.082.436.814	(1.046.393.747)	-	1.121.082.436.814

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 30/06/2023 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần SCI E&C	Hà Nội	51,00%	51,00%	Chế tạo, lắp đặt cơ khí, xây dựng công trình và hạ tầng
Công ty Cổ phần SCI Nghệ An	Nghệ An	99,29%	99,29%	Xây dựng thủy điện
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Hà Nội	65,00%	65,00%	Tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Lai Châu	99,99%	99,99%	Xây dựng thủy điện
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8	Quảng Trị	20,00%	20,00%	Xây dựng điện gió

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ kế toán: xem chi tiết tại Thuyết minh số 34.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	371.902.094.255	(69.040.777.210)	533.511.118.561	(66.280.262.868)
Công ty Cổ phần SCI E&C	13.518.853.962	-	12.530.025.946	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	622.296	-	622.296	-
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	81.526.466.851	(55.850.682.029)	82.413.758.744	(52.290.167.687)
Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	10.227.240.608	(10.227.240.608)	11.027.240.608	(11.027.240.608)
Nam Sam 3 Power Company Limited	258.269.069.005	-	416.287.866.762	-
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	1.120.564.000	-	1.120.564.000	-
Các khách hàng khác	7.239.277.533	(2.962.854.573)	10.131.040.205	(2.962.854.573)
Cộng	371.902.094.255	(69.040.777.210)	533.511.118.561	(66.280.262.868)
Phải thu các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2)	13.519.476.258	-	13.262.738.927	-
4. Trả trước cho người bán	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	5.159.228.477	(3.868.713.000)	7.905.325.180	(3.868.713.000)
Công ty TNHH Long Hoa	2.553.753.000	(2.553.753.000)	2.553.753.000	(2.553.753.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn Phát triển năng lượng Việt Nam	840.000.000	(840.000.000)	840.000.000	(840.000.000)
Công ty Phouluang Dring and Blasting services compay	893.220.901	-	3.746.657.604	-
Các nhà cung cấp khác	872.254.576	(474.960.000)	764.914.576	(474.960.000)
Cộng	5.159.228.477	(3.868.713.000)	7.905.325.180	(3.868.713.000)
5. Phải thu khác	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	31.478.886.145	-	29.618.437.772	-
Ký cược, ký quỹ	16.000.000	-	16.000.000	-
Tạm ứng	615.357.035	-	459.839.472	-
Phải thu Công ty Cổ phần SCI E&C	7.071.953.467	-	2.757.500.983	-
Công ty TNHH chứng khoán NHNT Việt Nam	5.203.935.724	-	6.858.803.834	-
Phải thu khác	18.571.639.919	-	19.526.293.483	-
b. Dài hạn	220.000.000	-	220.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	220.000.000	-	220.000.000	-
Cộng	31.698.886.145	-	29.838.437.772	-
Phải thu các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2)	7.071.953.467	-	2.757.500.983	-
6. Nợ xấu	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu quá hạn, khó có khả năng thu hồi				
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	81.526.466.851	25.675.784.822	82.413.758.744	30.123.591.057
Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	10.227.240.608	-	11.027.240.608	-
Các đối tượng khác	7.057.292.105	225.724.532	7.057.292.105	225.724.532
Cộng	98.810.999.564	25.901.509.354	100.498.291.457	30.349.315.589

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Tài sản dở dang dài hạn	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xây dựng cơ bản dở dang	4.616.784.512	-	4.616.784.512	-
- Dự án điện gió Quảng Trị	2.394.562.290	-	2.394.562.290	-
- Dự án điện gió Tân Thành	2.222.222.222	-	2.222.222.222	-
Cộng	4.616.784.512	-	4.616.784.512	-

8. Tài sản cố định hữu hình	Khoản mục			
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ (*)	19.963.241.095	9.757.209.865	97.177.273	29.817.628.233
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>(939.517.814)</i>	<i>(330.102.000)</i>	-	<i>(1.269.619.814)</i>
Số dư cuối kỳ	19.023.723.281	9.427.107.865	97.177.273	28.548.008.419
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	19.200.462.581	9.413.125.858	97.177.273	28.710.765.712
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>514.600.238</i>	<i>172.365.487</i>	-	<i>686.965.725</i>
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>(939.517.814)</i>	<i>(330.102.000)</i>	-	<i>(1.269.619.814)</i>
Số dư cuối kỳ	18.775.545.005	9.255.389.345	97.177.273	28.128.111.623
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	762.778.514	344.084.007	-	1.106.862.521
Số dư cuối kỳ	248.178.276	171.718.520	-	419.896.796

() Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.436.135.692 đồng

***Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng

9. Tài sản cố định vô hình	Khoản mục		
	Nhãn hiệu, thương hiệu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	250.000.000	92.500.000	342.500.000
Số dư cuối năm	250.000.000	92.500.000	342.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	215.625.069	92.500.000	308.125.069
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>6.250.002</i>	-	<i>6.250.002</i>
Số dư cuối năm	221.875.071	92.500.000	314.375.071
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	34.374.931	-	34.374.931
Số dư cuối năm	28.124.929	-	28.124.929

10. Chi phí trả trước	30/06/2023		01/01/2023	
	Chi phí trả trước ngắn hạn	Công cụ dụng cụ xuất dùng	Chi phí trả trước dài hạn	Chi phí cải tạo, lắp đặt, hoàn thiện nội thất văn phòng
Chi phí trả trước ngắn hạn	121.567.669	87.336.919	855.963.643	1.121.753.013
Công cụ dụng cụ xuất dùng	121.567.669	87.336.919	855.963.643	1.121.753.013
Chi phí trả trước dài hạn	855.963.643	1.121.753.013	977.531.312	1.209.089.932
Chi phí cải tạo, lắp đặt, hoàn thiện nội thất văn phòng	855.963.643	1.121.753.013	977.531.312	1.209.089.932
Cộng	977.531.312	1.209.089.932		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Phải trả người bán	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	214.683.714.056	162.079.310.177	465.039.586.128	431.177.358.833
Công ty Cổ phần SCI E&C	196.903.717.974	144.299.314.095	448.594.852.248	414.732.624.953
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	13.049.314.282	13.049.314.282	10.223.888.580	10.223.888.580
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh	867.113.239	867.113.239	1.115.427.063	1.115.427.063
Nam Sam 3 Power Company Limited	1.371.130.621	1.371.130.621	1.523.969.297	1.523.969.297
Công ty TNHH MDL Việt Nam	-	-	1.089.000.000	1.089.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.492.437.940	2.492.437.940	2.492.448.940	2.492.448.940
Cộng	214.683.714.056	162.079.310.177	465.039.586.128	431.177.358.833
Phải trả các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2)	209.953.032.256	157.348.628.377	458.818.740.828	424.956.513.533
12. Người mua trả tiền trước			30/06/2023	01/01/2023
a. Ngắn hạn			208.500.922.192	137.970.708.804
Nam Sam 3 Power Company Limited			208.500.922.192	136.686.259.111
Công ty Cổ phần SCI E&C			-	1.284.449.693
Cộng			208.500.922.192	137.970.708.804
Người mua trả tiền trước là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2)			-	1.284.449.693
13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/06/2023
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	33.909.393	-	-	33.909.393
Thuế thu nhập doanh nghiệp	609.639.598	3.217.384.984	609.639.598	3.217.384.984
Cộng	643.548.991	3.217.384.984	609.639.598	3.251.294.377
b. Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	54.423.288	332.679.928	328.866.249	50.609.609
Cộng	54.423.288	332.679.928	328.866.249	50.609.609
14. Chi phí phải trả			30/06/2023	01/01/2023
a. Ngắn hạn			-	5.038.442.973
Trích trước chi phí giám sát thi công Dự án thủy điện Nam Sam 3 đã thực hiện năm 2022			-	5.038.442.973
b. Dài hạn			2.280.830.233	-
Lãi vay			2.280.830.233	-
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI			469.970.789	-
Công ty TNHH SCI Nghệ An			1.810.859.444	-
Cộng			2.280.830.233	5.038.442.973
Người mua trả tiền trước là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2)			2.280.830.233	-

41-002
 HÁNH
 TY TNHH
 TOÁN
 VỤ TIN H
 E AISC
 VG - TP.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	30/06/2023	01/01/2023
15. Phải trả khác		
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	220.780.636	221.155.036
Phải trả lãi vay	-	2.532.109.588
Thù lao HĐQT	75.334.000	71.850.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.182.418.298	2.203.807.770
Cộng	2.478.532.934	5.028.922.394
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.815.000	56.815.000
Cộng	56.815.000	56.815.000
Phải trả các bên liên quan		
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2)</i>	-	2.532.109.588



Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Vay và nợ thuê tài chính

	Trong kỳ					
	30/06/2023		01/01/2023			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24.000.000.000	24.000.000.000	-	41.000.000.000	65.000.000.000	65.000.000.000
Vay Công ty Cổ phần SCI Nghệ An	22.500.000.000	22.500.000.000	-	35.500.000.000	58.000.000.000	58.000.000.000
Vay Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	1.500.000.000	1.500.000.000	-	5.500.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	24.000.000.000	24.000.000.000	-	41.000.000.000	65.000.000.000	65.000.000.000

Thuyết minh chi tiết vay các khoản vay:

Khoản vay Công ty Cổ phần SCI Nghệ An theo hợp đồng số 06102000/HEV/SCINA-SCI và Phụ lục hợp đồng số 01, lãi suất 6%/năm, kỳ hạn 5 năm từ 07/10/2022, lãi được trả cùng gốc khi đáo hạn khoản vay và khoản vay Công ty Cổ phần Tư vấn SCI theo hợp đồng 2021/2704/SCI-PMC, Phụ lục số 01 với lãi suất 6%/năm, kỳ hạn 4 năm từ 27/04/2021, lãi được trả cùng gốc khi đáo hạn khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	524.267.230.000	821.616.000	8.192.087.059	172.025.770.880	705.306.703.939
Tăng vốn	330.272.770.000	(550.000)	-	(41.933.700.000)	288.338.520.000
Lợi nhuận	-	-	-	55.660.188.936	55.660.188.936
Số dư tại 31/12/2022	854.540.000.000	821.066.000	8.192.087.059	185.752.259.816	1.049.305.412.875
Số dư tại 01/01/2023	854.540.000.000	821.066.000	8.192.087.059	185.752.259.816	1.049.305.412.875
Lợi nhuận	-	-	-	52.201.009.773	52.201.009.773
Số dư tại 30/06/2023	854.540.000.000	821.066.000	8.192.087.059	237.953.269.589	1.101.506.422.648

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của ông Nguyễn Công Hùng
 Vốn góp của các cổ đông khác
Cộng

	30/06/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
Vốn góp của ông Nguyễn Công Hùng	173.861.960.000	20,35%	173.861.960.000	20,35%
Vốn góp của các cổ đông khác	680.678.040.000	79,65%	680.678.040.000	79,65%
Cộng	854.540.000.000	100,00%	854.540.000.000	100,00%



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu		
và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
Vốn góp của chủ sở hữu	854.540.000.000	524.267.230.000
<i>Vốn góp đầu kỳ</i>	854.540.000.000	524.267.230.000
<i>Vốn góp cuối kỳ</i>	854.540.000.000	524.267.230.000
d. Cổ phiếu	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	85.454.000	85.454.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	85.454.000	85.454.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	85.454.000	85.454.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	85.454.000	85.454.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	85.454.000	85.454.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000
e. Các quỹ của doanh nghiệp	30/06/2023	01/01/2023
Quỹ đầu tư phát triển	8.192.087.059	8.192.087.059
Cộng	8.192.087.059	8.192.087.059
* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp		
<i>Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.</i>		
18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	30/06/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại	1.996.826,19	3.143.787,75
Đồng đô la Mỹ (USD)	1.996.826,19	3.143.787,75
Đồng Lak	72.631.491,00	8.225.549.491,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.075.174.034	1.669.529.813
Doanh thu hợp đồng xây dựng	417.793.592.505	522.398.204.313
Cộng	418.868.766.539	524.067.734.126
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2)</i>	17.296.263.492	37.795.931.469
2. Giá vốn hàng bán	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	514.600.238	551.400.258
Giá vốn hợp đồng xây dựng	398.057.317.120	508.114.638.402
Cộng	398.571.917.358	508.666.038.660
3. Doanh thu hoạt động tài chính	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	87.919.294	287.771.198
Lãi bán các khoản đầu tư	10.857.571.170	39.958.690.004
Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.489.688.500	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.812.822.941	12.808.454.434
Cộng	56.248.001.905	53.054.915.636

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
4. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	1.206.821.917	998.876.713
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	10.802.038.815	5.312.894.308
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	499.836.614	-
Dự phòng/hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	543.853.826	(9.634.705.733)
Chi phí tài chính khác	36.478.502	975.750
Cộng	13.089.029.674	(3.321.958.962)
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	3.078.176.609	3.960.893.017
Chi phí vật liệu, bao bì	350.590.751	391.474.682
Chi phí đồ dùng văn phòng	136.393.079	312.044.802
Chi phí khấu hao TSCĐ	106.896.824	67.083.011
Thuế, phí, lệ phí	214.491.326	122.511.217
Dự phòng phải thu khó đòi	2.760.514.342	9.677.758.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.066.391.393	835.570.776
Chi phí bằng tiền khác	297.591.486	426.629.409
Cộng	8.011.045.810	15.793.965.532
6. Thu nhập khác		
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	130.909.091	136.363.636
Phí bảo hiểm rủi ro dân sự tự nguyện của công trình Nam Sam	-	11.894.464.924
Thu nhập từ bán vật tư phục vụ công trình Nam Sam 3	4.314.452.484	9.751.246.705
Thu nhập từ tiền điện phục vụ công trình Nam Sam 3	9.167.543.717	12.403.756.002
Các khoản khác	2.739.493.257	1.797.481.970
Cộng	16.352.398.549	35.983.313.237
7. Chi phí khác		
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	158.218.665	137.562.400
Phí bảo hiểm rủi ro dân sự tự nguyện của công trình Nam Sam	-	11.894.464.925
Chi phí mua vật tư phục vụ công trình Nam Sam 3	4.314.452.484	9.751.246.705
Chi phí tiền điện phục vụ công trình Nam Sam 3	9.167.543.717	12.403.756.002
Các khoản khác	2.738.564.528	1.797.481.970
Cộng	16.378.779.394	35.984.512.002
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	136.393.079	312.044.802
Chi phí nhân công	3.217.702.515	5.193.895.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	693.215.727	1.771.708.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	398.521.860.027	649.804.106.240
Chi phí khác bằng tiền	974.405.392	549.140.626
Cộng	403.543.576.740	657.630.896.538

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55.418.394.757	55.983.405.767
a. Các khoản điều chỉnh tăng	158.218.665	137.562.400
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>158.218.665</i>	<i>137.562.400</i>
b. Các khoản điều chỉnh giảm	(39.489.688.500)	-
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(39.489.688.500)</i>	<i>-</i>
2. Thu nhập tính thuế	16.086.924.922	56.120.968.167
3. Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.217.384.984	11.224.193.633

10. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

10.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

10.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	-	24.000.000.000	-	24.000.000.000
Phải trả người bán	214.683.714.056	-	-	214.683.714.056
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.182.418.298	56.815.000	-	2.239.233.298
Chi phí phải trả	-	2.280.830.233	-	2.280.830.233
Cộng	216.866.132.354	26.337.645.233	-	243.203.777.587
Ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Các khoản vay và nợ	-	65.000.000.000	-	65.000.000.000
Phải trả người bán	465.039.586.128	-	-	465.039.586.128
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.735.917.358	56.815.000	-	4.792.732.358
Chi phí phải trả	5.038.442.973	-	-	5.038.442.973
Cộng	474.813.946.459	65.056.815.000	-	539.870.761.459

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

11. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023
Tài sản tài chính	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tiền và các khoản tương đương tiền	60.370.499.854	-	88.107.664.327	-
- Phải thu khách hàng	371.902.094.255	(69.040.777.210)	533.511.118.561	(66.280.262.868)
- Phải thu khác	31.083.529.110	-	29.378.598.300	-
- Đầu tư ngắn hạn	41.264.194.819	(1.417.016.519)	18.783.343.469	(910.979.719)
- Đầu tư dài hạn	30.550.000.000	-	30.550.000.000	-
TỔNG CỘNG	535.170.318.038	(70.457.793.729)	700.330.724.657	(67.191.242.587)
Nợ phải trả tài chính				
- Vay và nợ	24.000.000.000	-	65.000.000.000	-
- Phải trả người bán	214.683.714.056	-	465.039.586.128	-
- Chi phí phải trả	2.280.830.233	-	5.038.442.973	-
- Phải trả khác	2.239.233.298	-	4.792.732.358	-
TỔNG CỘNG	240.922.947.354	-	534.832.318.486	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.296.263.492	37.795.931.469
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con	-	11.055.349
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	1.578.474.624	610.226.266
Công ty Cổ phần SCI Nghệ An	Công ty con	-	279.452.055
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	15.717.788.868	36.895.197.799
Mua hàng hóa, dịch vụ		402.493.911.607	507.774.652.378
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	5.038.442.973	4.934.925.026
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	397.455.468.634	502.839.727.352
Góp vốn		-	79.999.989.500
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần SCI Nghệ An	Công ty con	-	74.999.989.500
Lãi vay		1.206.821.917	762.657.535
Công ty Cổ phần SCI Nghệ An	Công ty con	1.023.287.671	554.383.562
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	183.534.246	208.273.973
Cổ tức, lợi nhuận được chia		36.489.688.500	-
Công ty Cổ phần SCI Nghệ An	Công ty con	36.489.688.500	-
Thoái vốn		-	17.493.927.304
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	-	17.493.927.304
Trả gốc tiền vay		41.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần SCI Nghệ An	Công ty con	35.500.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	5.500.000.000	-

Số dư cuối năm

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2023	01/01/2023
Phải thu khách hàng		13.519.476.258	13.262.738.927
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con	622.296	622.296
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	-	732.090.685
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	13.518.853.962	12.530.025.946
Phải trả người bán		209.953.032.256	458.818.740.828
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	196.903.717.974	448.594.852.248
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	13.049.314.282	10.223.888.580
Người mua trả tiền trước		-	1.284.449.693
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	-	1.284.449.693
Phải thu khác		7.071.953.467	2.757.500.983
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	-	1.121.753.014
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	7.071.953.467	2.757.500.983
Phải trả khác		-	2.532.109.588
Công ty Cổ phần SCI Nghệ An	Công ty con	-	1.777.260.273
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	-	754.849.315
Lãi vay phải trả		2.280.830.233	-
Công ty Cổ phần SCI Nghệ An	Công ty con	1.810.859.444	-
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	469.970.789	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Mối quan hệ	30/06/2023	01/01/2023
Tiền vay		24.000.000.000	65.000.000.000
Công ty Cổ phần SCI Nghệ An	Công ty con	22.500.000.000	58.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	1.500.000.000	7.000.000.000
		06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Nguyễn Công Hùng		240.000.000	240.000.000
Nguyễn Chính Đại		-	32.000.000
Ngô Vũ An		48.000.000	16.000.000
Đoàn Thế Anh		48.000.000	48.000.000
Nguyễn Văn Phúc		585.533.931	514.430.780
Phạm Văn Nghĩa		301.969.362	328.247.958
Nguyễn Văn Độ		229.903.362	169.781.958
Vũ An Minh		258.903.362	219.781.958
Nguyễn Việt Anh		40.000.000	48.000.000
Kim Mạnh Hà		8.000.000	-
Hoàng Trọng Minh		8.000.000	-
Cộng		1.768.310.017	1.616.242.654

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**3.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

3.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Công ty phát sinh doanh thu chủ yếu ở nước ngoài, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2023 trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC, số liệu so sánh 6 tháng đầu năm 2022 trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022 của Công ty đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Nhung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phan Dương Mạnh

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ




Nguyễn Công Hùng